



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN KHOA HỌC KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

THÔNG BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG VIII/2017



HÀ NỘI, THÁNG IX/2017

LỜI NÓI ĐẦU

Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp do Phòng Giám sát và Dự báo khí tượng nông nghiệp, Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, soạn thảo và xuất bản hàng tháng.

Bản tin Thông báo và Dự báo khí tượng nông nghiệp được xây dựng trên cơ sở nguồn dữ liệu:

- 56 trạm khí tượng và 29 trạm khí tượng nông nghiệp do Trung tâm Khí tượng Thủy văn Quốc gia cung cấp;
- Bản tin Dự báo thời tiết tuần do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương cung cấp;
- Bản tin Dự báo khí hậu (1 tháng, 3 tháng) do Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng - Khí hậu, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu cung cấp;
- Báo cáo tổng hợp tình hình sản xuất nông nghiệp hàng tháng ở các vùng sinh thái nông nghiệp do Trung tâm Thông tin, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn cung cấp;
- Số liệu thống kê về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng chính do Tổng cục Thống kê cung cấp.

Mọi ý kiến đóng góp xin gửi về Trung tâm Nghiên cứu khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.

Địa chỉ: 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 04.7733372; 047733090-407

Fax: 04.8358626

Email: son.nguyenhong@imh.ac.vn;

Webside: <http://www.imh.ac.vn>



MỤC LỤC

	Trang
I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2017	1
1. Vùng Tây Bắc.....	1
2. Vùng Việt Bắc.....	2
3. Vùng Đông Bắc.....	4
4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ	5
5. Vùng Bắc Trung Bộ	6
6. Vùng Trung Trung Bộ.....	7
7. Vùng Nam Trung Bộ.....	9
8. Vùng Tây Nguyên	10
9. Vùng Nam Bộ.....	11
II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2017.....	12
1. Đối với cây lúa	13
2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp	14
III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG VIII, IX, X/2017	17
IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ	17
V. TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	17

I. TÌNH HÌNH KHÍ TƯỢNG THÁNG VIII/2017

Nền nhiệt độ không khí trung bình trong tháng VIII/2017 tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN ($-1,2^{\circ}\text{C}$ đến $2,1^{\circ}\text{C}$) (hình 10).

Lượng mưa trong tháng tại các địa phương trong cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -236mm đến 394mm (hình 11).

Tổng số giờ nắng tháng ở hầu hết các địa phương của nước ta phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -109 giờ đến 69 giờ). Độ ẩm không khí trung bình tháng ở hầu hết các địa phương trong cả nước có giá trị phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -9% đến 8%).

Chi tiết về diễn biến tình hình khí tượng tháng VIII/2017 ở từng vùng của nước ta như sau:

1. Vùng Tây Bắc

1.1. Diễn biến nhiệt độ

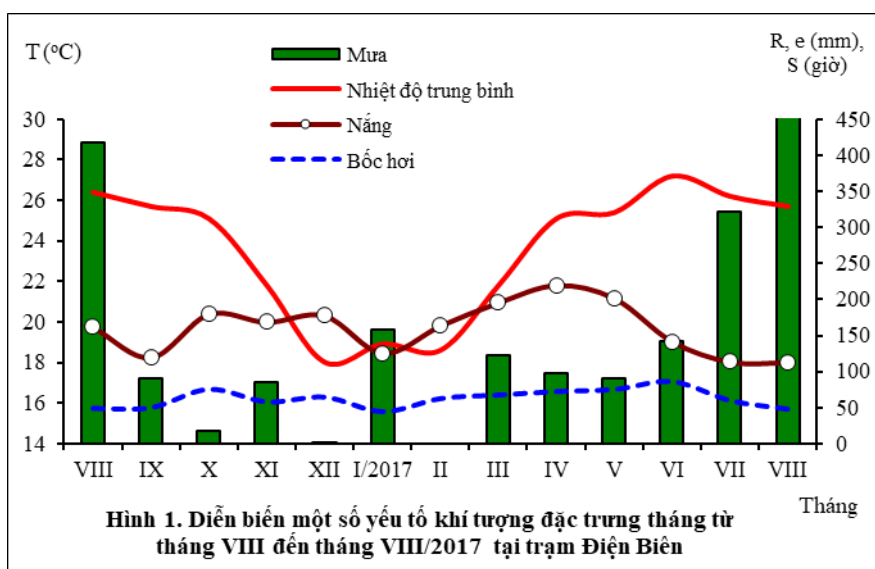
- Nhiệt độ các khu vực thuộc vùng Tây Bắc ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ $-1,2$ đến $1,0^{\circ}\text{C}$; với giá trị nhiệt độ trung bình tháng dao động từ $20,3^{\circ}\text{C}$ đến $28,8^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng phổ biến từ $18,6^{\circ}\text{C}$ đến $26,1^{\circ}\text{C}$, giá trị thấp nhất là $16,6^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 27/VIII tại Sìn Hồ.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $23,6^{\circ}\text{C}$ đến $33,1^{\circ}\text{C}$, giá trị cao nhất là $37,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 22/VIII tại Mai Châu. Sự biến động của nhiệt độ không khí theo thời gian từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm đại diện cho vùng Tây Bắc (Điện Biên) được thể hiện trên hình 1.

1.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động



Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Điện Biên

xung quanh giá trị TBNN (-127mm đến 181mm). Giá trị tổng lượng mưa tháng phổ biến dao động trong khoảng từ 240mm đến 646mm, thấp nhất là 152mm xảy ra tại Yên Châu.

- Lượng mưa ngày cao nhất phổ biến từ 30mm đến 134mm.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 15 đến 27 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 20 ngày.

Biến trình lượng mưa tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại Điện Biên được thể hiện trên hình 1.

1.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VIII/2017 phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN từ -52 giờ đến -10 giờ; giá trị tổng số giờ nắng tháng phổ biến từ 93 giờ đến 154 giờ (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2017 dao động từ 76% đến 92%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -9% đến 4%. Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 42% xảy ra vào ngày 11/VIII tại Phù Yên.

- Tổng lượng bốc hơi tháng VIII/2017 có giá trị phổ biến từ 25mm đến 83mm, cao nhất là 118mm tại Sông Mã. Lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa (-621mm đến -91mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất ở các nơi đo được phổ biến từ 2 - 7mm.

1.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 7 ngày với cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 5 đến 17 ngày.

2. Vùng Việt Bắc

2.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nền nhiệt độ không khí tháng VIII/2017 vùng Việt Bắc ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN ($0,3^{\circ}\text{C}$ đến $1,3^{\circ}\text{C}$) (hình 10). Diễn biến nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Việt Trì được thể hiện trên hình 2;

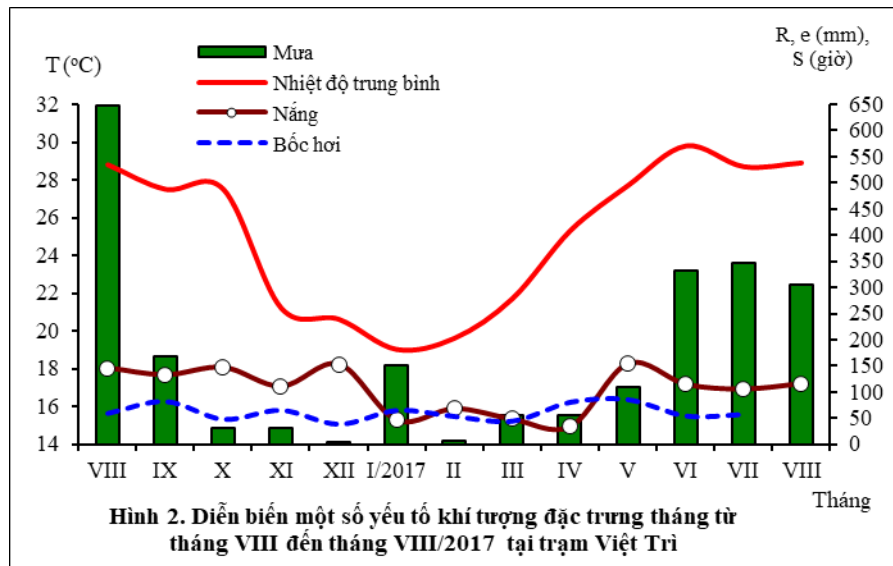
- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng phổ biến từ $20,1^{\circ}\text{C}$ đến $29,2^{\circ}\text{C}$

- Giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ $18,2^{\circ}\text{C}$ đến $26,8^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ không khí thấp nhất là $15,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 23/VIII tại Sa Pa.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 22,7⁰C đến 33,0⁰C, nhiệt độ không khí cao nhất là 37,7⁰C xảy ra vào ngày 20/VIII tại Lào Cai.

2.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng chủ yếu từ 200mm đến 621mm; cao nhất là 1021mm tại Bắc Quang, tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ (30mm đến 394mm). Diễn



Hình 2. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Việt Trì

biến của tổng lượng mưa tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 ở trạm Việt Trì (đại diện cho vùng Việt Bắc) được thể hiện trên hình 2.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 40mm đến 150mm, cao nhất là 189mm xảy ra vào ngày 15/VIII tại Bắc Quang. Số ngày mưa trong tháng dao động phổ biến từ 16 - 29 ngày. Số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 21 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 5 ngày.

2.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2017 ở các nơi thuộc Việt Bắc có giá trị phổ biến từ 85 giờ đến 153 giờ, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-63 giờ đến -13 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2017 phổ biến từ 83 đến 91%; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-4% đến 4%). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47%, xảy ra vào ngày 21/VIII tại Than Uyên.

- Lượng bốc hơi tháng ở các nơi trong vùng có giá trị phổ biến từ 36mm đến 95mm, và có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-966mm đến -248mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3mm đến 6mm.

2.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 5 ngày với cường độ nhẹ;

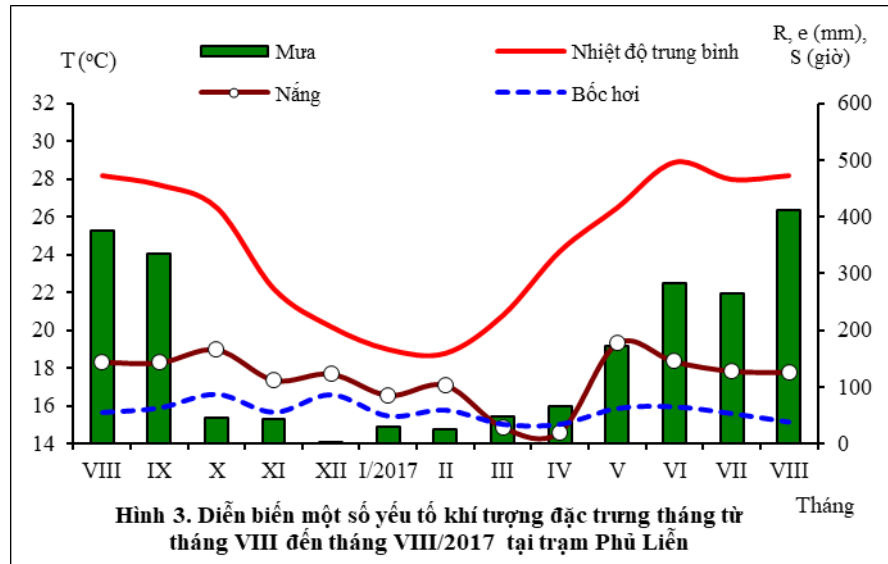
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 3 đến 21

ngày.

3. Vùng Đông Bắc

3.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3 đến 0,6⁰C); có giá trị dao động từ 25,8⁰C đến 28,9⁰C (hình 10).



Hình 3. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Phù Liên

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 30,4⁰C đến 32,8⁰C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 37,2⁰C xảy ra vào các ngày 22/VIII tại Bảo Lạc.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 23,2⁰C đến 26,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 21,8⁰C xảy ra vào ngày 31/VIII tại Trùng Khánh. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tháng theo thời gian tại Phù Liên được thể hiện trên hình 3.

3.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa tháng VIII/2017 dao động phổ biến từ 179mm đến 646mm, cao nhất là 664mm tại Móng Cái, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-76mm đến 287mm) (hình 11). Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất dao động phổ biến từ 43 đến 111mm, cao nhất là 143mm xảy ra vào ngày 5/VIII tại Bãi Cháy.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 15 - 24 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 2 đến 8 ngày. Có thể thấy diễn biến theo thời gian của tổng lượng mưa tháng tại trạm đại diện cho vùng Đông Bắc (trạm Phù Liên) ở hình 3.

3.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng tháng VIII/2017 đo được ở các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-109 giờ đến -17 giờ) (hình 12) và phổ biến dao động trong khoảng từ 115 giờ đến 158 giờ (Phù Liên).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng VIII/2017 ở các nơi dao động phổ biến từ 85 đến 91%, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 2% - 4%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 52% xảy ra vào ngày 21/VIII tại Lục Ngạn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 38mm đến 67mm. Lượng bốc hơi các khu vực trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-715mm đến -126mm). Lượng bốc hơi ngày cao nhất từ 2 - 4mm (hình 14).

3.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 2 ngày với có cường độ nhẹ;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 8 đến 23 ngày.

4. Vùng Đồng bằng Bắc Bộ

4.1. Diễn biến nhiệt độ

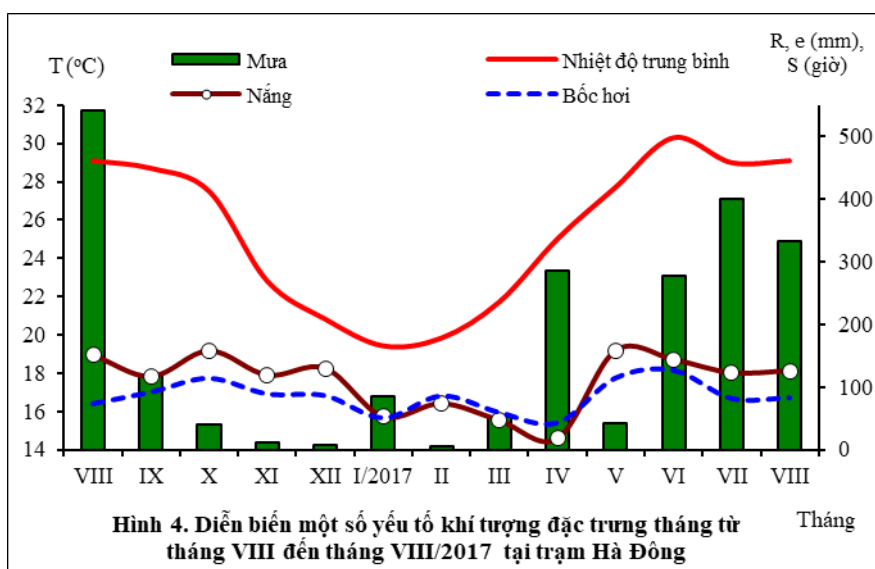
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở các nơi trong vùng có giá trị dao động từ 28,6⁰C đến 29,5⁰C, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (từ 0,3⁰C đến 1,3⁰C) (hình 10);

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 31,4⁰C đến 33,5⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 37,6⁰C xảy ra vào ngày 8/VIII tại Láng;

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng ở các nơi từ 26,2⁰C đến 27,0⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 23,0⁰C xảy ra vào ngày 15/VIII tại Nam Định. Biên trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -200mm đến 99mm, (hình 11) và có giá trị dao động phổ biến từ 152mm đến 424mm.



Hình 4. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Hà Đông

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 25 đến 101mm; số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 15 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 11 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 9 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại trạm Hà Đông được thể hiện trên hình 4.

4.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2017 ở các nơi trong vùng dao động từ 107 giờ đến 140 giờ; có giá trị ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (từ -66 giờ đến -40 giờ, hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 79% đến 87%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-7% đến 3%) (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 47% xảy ra vào ngày 11/VIII tại Láng.

- Lượng bốc hơi vùng Đồng bằng Bắc Bộ phổ biến từ 52mm đến 93mm; lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 4 đến 7mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa tháng từ -372mm đến -79mm.

4.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện hầu hết các nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 5 ngày, trong đó một số nơi có 1 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 10 đến 15 ngày.

5. Vùng Bắc Trung Bộ

5.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ $0,5^{\circ}\text{C}$ đến $1,6^{\circ}\text{C}$ (hình 10) và có giá trị từ $27,8^{\circ}\text{C}$ đến $29,9^{\circ}\text{C}$.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $31,9^{\circ}\text{C}$ đến $34,3^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ cao nhất là $40,3^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 11/VIII tại Quỳnh Hợp.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $24,9^{\circ}\text{C}$ đến $27,8^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $22,8^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 24/VIII tại Quỳnh Hợp. Biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

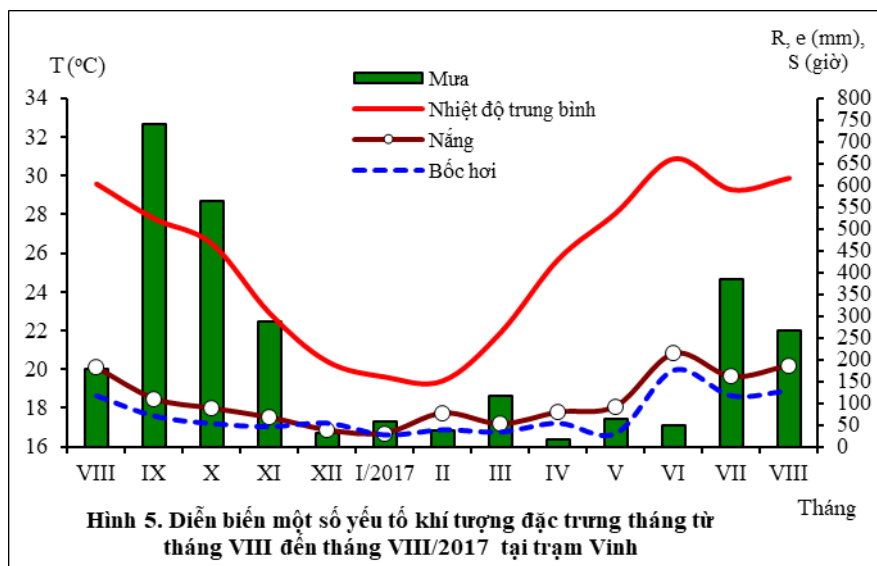
5.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2017, các giá trị tổng lượng mưa tháng dao động phổ biến từ 112mm đến 239mm, cao nhất là 371mm tại Hòn Ngư. Tổng lượng mưa tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-107mm đến 80mm) (hình 11).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 35 đến 111mm.
- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 9 - 21 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 7 ngày. Số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 12 ngày. Biến trình tổng lượng mưa tháng tại Vinh được thể hiện trên hình 5.

5.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng dao động phổ biến từ 119 đến 205 giờ, tổng số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -43 giờ đến 20 giờ, hình 12).



Hình 5. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Vinh

- Độ ẩm không

khí trung bình tháng phổ biến từ 74% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-7% đến 2%); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 11/VIII tại Con Cuông.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 53mm đến 136mm, lượng bốc hơi ngày lớn nhất phổ biến từ 3 - 10mm. Lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị lượng mưa (-247mm đến -80mm).

5.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 30 ngày; nhiều nơi trong đó có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 4 đến 16 ngày.

6. Vùng Trung Trung Bộ

6.1. Diễn biến nhiệt độ

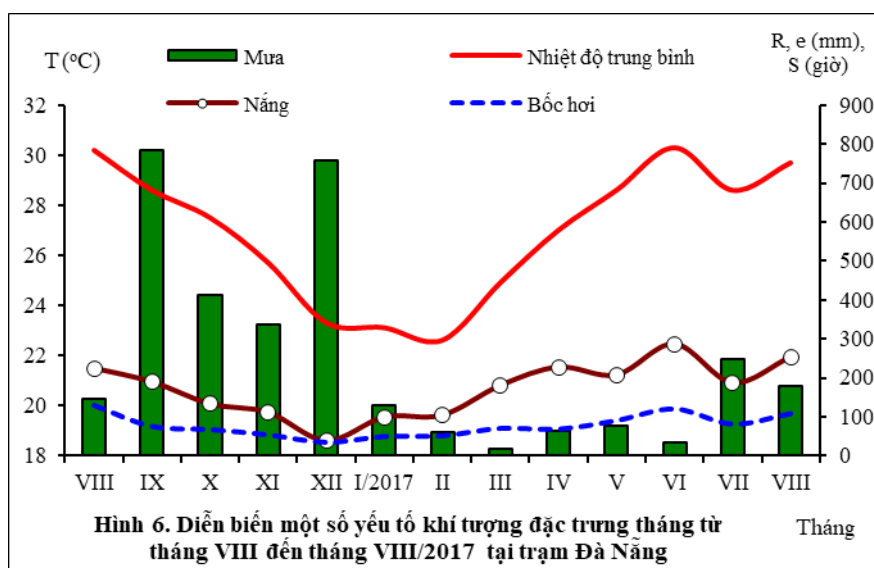
- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2017 từ 25,6°C đến 30,8°C, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,3°C đến 2,1°C) (hình 10). Có thể thấy được biến trình nhiệt độ không khí trung bình tại trạm đại diện cho Trung Trung Bộ (Đà Nẵng) trên hình 6.

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,6°C đến 35,3°C, giá trị nhiệt độ cao nhất là 38,0°C xảy ra vào ngày 5/VIII tại Quảng Ngãi.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 22,9⁰C đến 27,8⁰C, giá trị nhiệt độ thấp nhất là 20,9⁰C xảy ra vào ngày 18/VIII tại A Lưới.

6.2. Diễn biến về mưa

- Lượng mưa trong tháng VIII/2017 ở hầu hết các nơi trong vùng phổ biến từ 105mm đến 301mm, thấp nhất là 58mm tại Đông Hà. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN - 146mm đến 76mm).



- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 18 đến 68mm, cao nhất là 89mm xảy ra vào ngày 27/VIII tại Đồng Hới.

- Số ngày mưa trong tháng phổ biến từ 7 đến 20 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 8 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 17 ngày. Có thể xem biến trình tổng lượng mưa tháng tại Đà Nẵng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 trên hình 6.

6.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Số giờ nắng trong tháng phổ biến từ 157 giờ đến 253 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (10 giờ đến 45 giờ) (Hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến từ 76% đến 86%, phổ biến ở mức xấp xỉ dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 8%; giá trị độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 44% xảy ra vào ngày 5/VIII tại Quảng Ngãi.

- Tổng lượng bốc hơi tháng dao động phổ biến từ 48mm đến 117mm, cao nhất là 133mm tại Đồng Hới. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 8mm. Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-166mm đến 37mm).

6.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày từ 1 đến 15 ngày, nhiều nơi có từ 1 đến 2 ngày có cường độ mạnh;

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông dao động từ 3 đến 15 ngày.

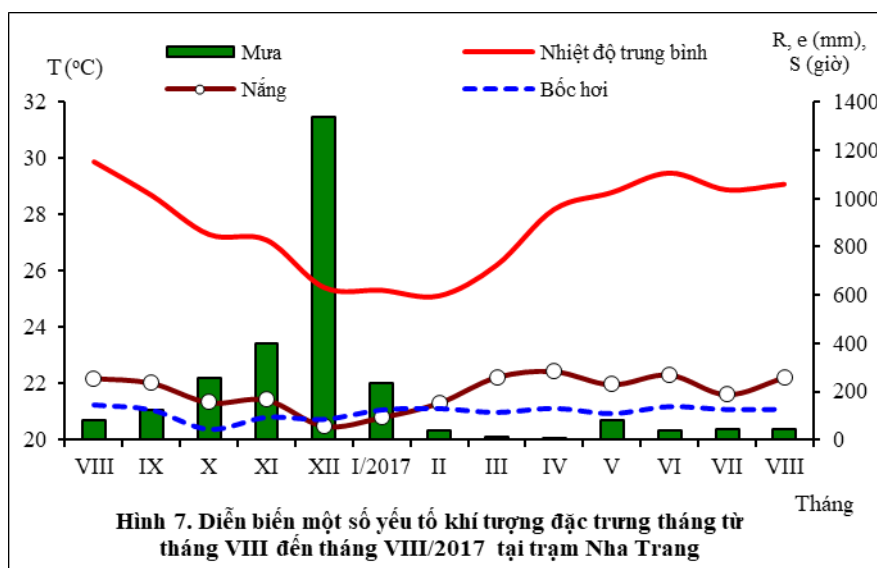
7. Vùng Nam Trung Bộ

7.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2017 từ $27,6^{\circ}\text{C}$ đến $30,0^{\circ}\text{C}$, ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 0,2 đến $0,9^{\circ}\text{C}$ (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ $31,4^{\circ}\text{C}$ đến $35,7^{\circ}\text{C}$ giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là $37,7^{\circ}\text{C}$ xảy ra vào ngày 7/VIII tại Tuy Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ $24,9^{\circ}\text{C}$ đến $27,6^{\circ}\text{C}$, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là $23,3^{\circ}\text{C}$, xảy ra vào ngày 5/VIII tại Phan Rang. Biên trình nhiệt độ không khí trung bình tại Nha Trang từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 được thể hiện trên hình 7.



Hình 7. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Nha Trang

7.2. Diễn biến về mưa

- Trong tháng VIII/2017, lượng mưa tháng ở các địa phương trong vùng phổ biến từ 38mm đến 163mm. Tổng lượng mưa tháng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -26mm đến 88mm). Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Quy Nhơn được thể hiện trên hình 7.

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 10mm đến 55mm, cao nhất là 72mm, xảy ra vào ngày 18/VIII tại Hoài Nhơn.

- Số ngày mưa trong tháng ở các địa phương phổ biến từ 9 đến 13 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 3 đến 6 ngày; số ngày không mưa liên tục trong tháng phổ biến từ 6 đến 9 ngày.

7.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2017 ở các nơi trong vùng phổ biến từ 236 giờ đến 275 giờ; số giờ nắng trong vùng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (20 giờ đến 50 giờ);

- Độ ẩm không khí trung bình tháng từ 70% đến 86%, phổ biến ở mức xấp

xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -6% đến 6% (hình 13); giá trị độ ẩm không khí thấp nhất là 42% xảy ra vào ngày 2/VIII tại Hoài Nhơn.

- Lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 82mm đến 148mm, thấp nhất là 30mm tại Phú Quý. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 3 đến 11mm. Lượng bốc hơi các nơi trong vùng ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị lượng mưa (-129mm đến 82mm).

7.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Gió tây khô nóng xuất hiện nhiều nơi trong vùng với số ngày có gió tây khô nóng từ 1 đến 12 ngày, một số nơi xuất hiện từ 1-2 đợt có cường độ mạnh;

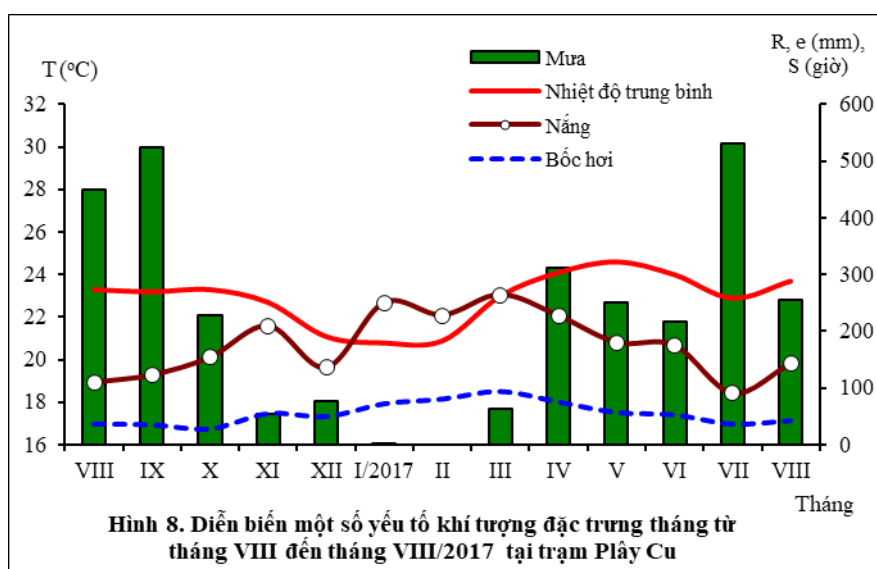
- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 4 đến 11 ngày.

8. Vùng Tây Nguyên

8.1. Diễn biến nhiệt độ

- Giá trị nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2017 từ 20,1⁰C đến 28,3⁰C; phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN từ 1,1⁰C đến 1,7⁰C (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình từ 25,3⁰C đến 33,2⁰C; giá trị



Hình 8. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Plây Cu

nhiệt độ không khí cao nhất là 35,5⁰C xảy ra vào ngày 8/VIII tại Ayunpa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình từ 17,7⁰C đến 25,4⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 15,1⁰C xảy ra vào ngày 11/VIII tại Đà Lạt. Có thể xem diễn biến nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 ở trạm Plây Cu đại diện cho vùng Tây Nguyên trên hình 8.

8.2. Diễn biến về mưa

- Tổng lượng mưa tháng VIII/2017 dao động từ 140mm đến 338mm, thấp nhất là 88mm tại Ayunpa. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (từ -236mm đến 85mm).

- Giá trị lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến từ 34mm đến 61mm, cao nhất

là 140mm vào ngày 27/VIII tại Kon Tum. Số ngày mưa các nơi trong vùng phổ biến từ 12 đến 29 ngày, trong đó số ngày mưa liên tục phổ biến từ 4 đến 20 ngày, số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 9 ngày. Diễn biến tổng lượng mưa tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Plây Cu được thể hiện trên hình 8.

8.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2017 phổ biến từ 114 giờ đến 225 giờ. Phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ (-20 giờ đến 37 giờ) (hình 12).

- Độ ẩm không khí trung bình tháng phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ -5% đến 5% (hình 13), có giá trị phổ biến từ 80% đến 94%; độ ẩm không khí thấp nhất là 55% xảy ra vào ngày 13/VIII tại M'drak.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 33mm đến 92mm, cao nhất là 104mm tại An Khê. Lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 6mm. Lượng bốc hơi ở các nơi trong vùng thấp hơn giá trị lượng mưa (-305mm đến -100mm).

8.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày từ 3 đến 18 ngày.

9. Vùng Nam Bộ

9.1. Diễn biến nhiệt độ

- Nhiệt độ không khí trung bình tháng VIII/2017 từ 26,4⁰C đến 28,9⁰C phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc cao hơn giá trị TBNN (0,5⁰C đến 1,8⁰C) (hình 10).

- Nhiệt độ không khí cao nhất trung bình tháng từ 30,8⁰C đến 33,6⁰C, giá trị nhiệt độ không khí cao nhất là 35,8⁰C xảy ra vào ngày 12/VIII tại Biên Hòa.

- Nhiệt độ không khí thấp nhất trung bình tháng từ 23,7⁰C đến 26,2⁰C, giá trị nhiệt độ không khí thấp nhất là 22,30⁰C xảy ra vào ngày 27/VIII tại Mộc Hóa. Hình 9 thể hiện diễn biến của nhiệt độ trung bình tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Cần Thơ.

9.2. Diễn biến về mưa

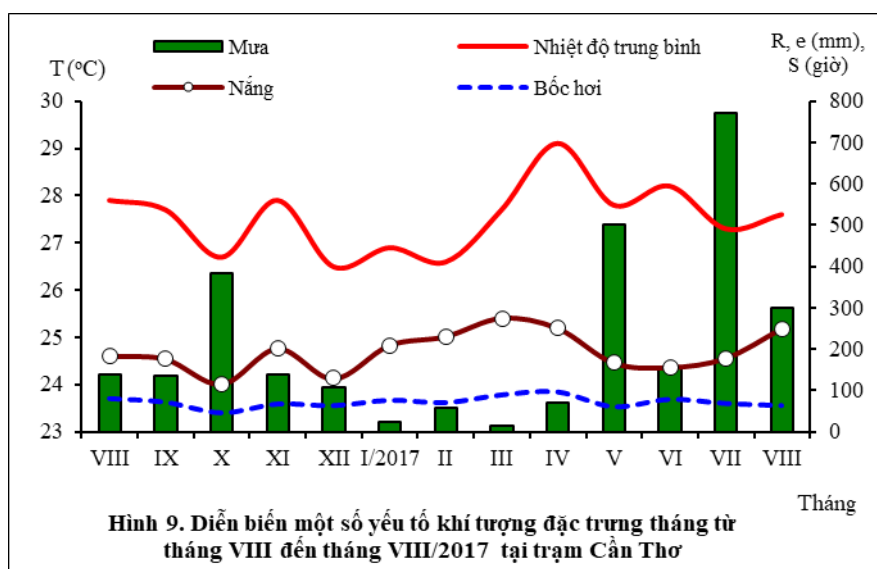
- Tổng lượng mưa tháng VIII/2017 dao động phổ biến từ 117mm đến 460mm, cao nhất là 508mm tại Bạc Liêu. Ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN (-50mm đến 263mm).

- Lượng mưa ngày lớn nhất phổ biến dao động từ 35mm đến 87mm, cao nhất là 107mm xảy ra vào ngày 11/VIII tại Cần Thơ.

- Số ngày mưa trong tháng dao động từ 18 đến 28 ngày; số ngày không mưa liên tục phổ biến từ 1 đến 7 ngày; số ngày mưa liên tục phổ biến từ 5 đến 19 ngày.

9.3. Diễn biến về số giờ nắng, độ ẩm không khí và tổng lượng bốc hơi tháng

- Tổng số giờ nắng tháng VIII/2017 phổ biến từ 117 giờ đến 249 giờ; ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn giá trị TBNN (-66 giờ đến 69 giờ) (hình 12).



Hình 9. Diễn biến một số yếu tố khí tượng đặc trưng tháng từ tháng VIII đến tháng VIII/2017 tại trạm Cần Thơ

- Độ ẩm không khí trung bình tháng

phổ biến từ 79% đến 89%, phổ biến ở mức xấp xỉ hoặc dao động xung quanh giá trị TBNN từ - 4% đến 3% (hình 13). Độ ẩm không khí thấp nhất tuyệt đối là 50% xảy ra vào ngày 12/VIII tại Biên Hòa.

- Tổng lượng bốc hơi tháng phổ biến từ 35mm đến 95mm, lượng bốc hơi ngày cao nhất phổ biến từ 2 đến 4mm; lượng bốc hơi tháng ở mức thấp hơn giá trị lượng mưa tháng (-438mm đến -43mm).

9.4. Các hiện tượng thời tiết đặc biệt

- Đông xuất hiện khắp nơi trong vùng với số ngày có đông từ 1 đến 23 ngày.

II. ẢNH HƯỞNG CỦA ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP TRONG THÁNG VIII/2017

Thời tiết tháng VIII nhìn chung thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp với nhiệt độ không khí trung bình trong khoảng từ 19-30°C; số giờ nắng 4.4 -9 giờ/ngày; mưa nhiều trên hầu hết các vùng miền. Trừ Nam Trung Bộ, phần lớn các nơi có lượng bốc hơi thấp hơn lượng mưa.

Nhiệm vụ chủ yếu của ngành trồng trọt trong tháng VIII là gieo cấy, chăm sóc lúa mùa ở các tỉnh phía Bắc, chăm sóc và thu hoạch lúa hè thu ở các tỉnh phía Nam. Tính đến cuối tháng VIII, cả nước đã gieo cấy đạt 1.362,5 ngàn ha lúa mùa, bằng 100,1% cùng kỳ năm trước và đạt 81,2% kế hoạch, trong đó các tỉnh miền Bắc gieo cấy đạt 1.136,3 ngàn ha diện tích gieo cấy, bằng 100,1%

cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam đã xuống giống đạt 1.930,5 ngàn ha lúa hè thu, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL đạt 1.651,8 ngàn ha, giảm 0,7% so với cùng kỳ. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch đạt 1085 ngàn ha, chiếm 56,2% diện tích xuống giống. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch đạt khoảng 55,9 tạ/ha.

1. Đối với cây lúa

+ **Lúa mùa:** Tính đến cuối tháng 8, cả nước đã gieo cấy đạt 1.362,5 ngàn ha lúa mùa, bằng 100,1% cùng kỳ năm trước và đạt 81,2% kế hoạch. Phần lớn diện tích lúa mùa tập trung ở các tỉnh miền Bắc với 1.136,3 ngàn ha diện tích gieo cấy, bằng 100,1% cùng kỳ. Trong đó Đồng bằng sông Hồng đã cơ bản kết thúc gieo cấy, đạt 544,7 ngàn ha, bằng 99,4% cùng kỳ. Các tỉnh miền Nam cũng đã xuống giống đạt 226,3 ngàn ha, vượt 0,2% so với cùng kỳ năm trước, tập trung chủ yếu tại các tỉnh thuộc địa bàn Nam Trung bộ và Tây Nguyên.

Do ảnh hưởng của điều kiện thời tiết, diễn biến của mưa bão phức tạp đã gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất lúa vụ mùa. Từ khi bước vào vụ gieo cấy đến nay, đặc biệt trong khoảng nửa cuối tháng VII đầu tháng VIII vừa qua, mưa lớn trên diện rộng đã gây ngập úng 11 nghìn ha lúa và hoa màu tại các tỉnh phía Bắc, trong đó diện tích lúa bị mất trắng do sạt lở và vùi lấp là 387 ha, diện tích lúa phải cấy lại là 6,8 nghìn ha. Đến thời điểm báo cáo, các địa phương đã chỉ đạo bơm tiêu úng cứu lúa, đồng thời chủ động khắc phục nhanh hậu quả của mưa bão. Hiện những diện tích lúa mùa không bị ảnh hưởng mưa lũ đang sinh trưởng, phát triển tốt.

+ **Lúa hè thu:** Tính đến cuối tháng, diện tích gieo cấy lúa hè thu cả nước ước đạt 2.101 ngàn ha, cao hơn 0,6% cùng kỳ năm ngoái và đạt 99,1% kế hoạch đề ra. Trong đó tập trung chủ yếu ở các tỉnh miền Nam đạt 1.930,5 ngàn ha, tăng 0,3% so với cùng kỳ năm trước, riêng vùng ĐBSCL đạt 1.651,8 ngàn ha, giảm 0,7% so với cùng kỳ. Hiện các địa phương miền Nam đã thu hoạch đạt 1.085 ngàn ha, chiếm 56,2% diện tích xuống giống, trong đó vùng ĐBSCL thu hoạch đạt 1.026,6 ngàn ha, bằng 62,2% diện tích xuống giống. Năng suất ước tính bình quân trên diện tích thu hoạch của các tỉnh phía Nam đạt khoảng 55,9 tạ/ha.

+ **Lúa thu đông:** Tình hình sản xuất vụ lúa Thu đông năm nay gặp khó khăn do mưa nhiều, nước lũ về sớm và dâng cao. Hiện nay, nước lũ cao hơn cùng kỳ từ 1-2m, và cao hơn cùng kỳ năm 2011 (năm lũ lớn) từ 0,1 -0,2m. Đồng thời do năm 2017 nhuận 2 tháng 6 âm lịch, nên vụ hè thu nông dân xuống giống kéo dài hơn làm kéo dài thời gian xuống giống vụ thu đông. Tính đến cuối tháng VIII, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long đã xuống giống đạt 466,7 ngàn ha lúa thu đông, chỉ đạt 93,9% cùng kỳ năm ngoái và bằng 55,4% mức kế hoạch. Tỉnh

đứng đầu về diện tích xuống giống là Đồng Tháp, đạt gần 115 ngàn ha, tiếp theo là Kiên Giang 83,5 ngàn ha. Lúa Thu đông hiện đang phát triển khá tốt, sâu bệnh gây hại không đáng kể.

Bảng 1. Số liệu khí tượng nông nghiệp tuần 3 tháng VIII/2017

Số TT	Các vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Các giai đoạn phát triển của cây trồng	Trạng thái sinh trưởng của cây trồng	Độ ẩm đất	Tác động của thiên tai, sâu bệnh
1	Tây Bắc, Việt Bắc	Mộc Châu	Chè lớn lá thật thứ nhất	Khá	ẩm	
2		Điện Biên	Lúa mùa trở bông	TB	3cm	
3		Văn Chấn	Lúa mùa trở bông, ngậm sữa	TB	3cm	
4		Tuyên Quang	Lúa xuân hè đẻ nhánh, mọc dón	TB	ẩm	
5	Đông Bắc	Uông Bí	Lúa mùa đẻ nhánh	Khá	3cm	
6		Lạng Sơn	Lúa mùa đẻ nhánh	TB	4cm	
7		Bắc Giang	Lúa mùa mọc dón	Tốt	3cm	
8	Trung du Bắc Bộ	Phú Hộ	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
9		Ba Vì	Chè lớn lá thật thứ nhất	TB	TB	
10	Đồng bằng Sông Hồng	Hà Đông	Lúa mùa mọc dón	TB	3cm	
11		Hoài Đức	Cam ra lá mới	TB	Quá ẩm	
12			Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
13		Hải Dương	Lúa mùa mọc dón, đẻ nhánh	Khá	3cm	
14		Hưng Yên	Lúa mùa mọc dón	Khá	3cm	
15		Nam Định	Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	
15		Ninh Bình	Lúa mùa mọc dón	TB	Quá ẩm	
17		Thái Bình	Lúa mùa mọc dón	Khá	4cm	

18	Bắc Trung Bộ	Yên Định	Đậu tương nở hoa	TB	TB	
19			Lạc nở hoa	TB	TB	
20		Thanh Hoá	Lúa mùa mọc dống	TB	4cm	
21		Quỳnh Lưu	Lúa hè thu chắc xanh	TB	3cm	
22		Đô Lương	Lúa hè thu ngâm sữa	TB	3cm	
23	Trung Trung Bộ	Huế	Lúa hè thu thu hoạch			
24	Nam Trung Bộ	Tuy Hoà	Lúa hè thu chắc xanh	Khá	4cm	
25		An Nhơn	Lúa hè thu thu hoạch			
26	Tây Nguyên	Eakmat	Cà phê hình thành quả	Tốt	TB	
27	Nam Bộ	Xuân Lộc	Cà phê hình thành quả	TB	ảm	
28		Trà Nóc	Lúa hè thu đẻ nhánh	Khá	3cm	
29		Mỹ Tho	Lúa hè thu thu hoạch			
30		Bạc Liêu	Lúa hè thu chín hoàn toàn	Khá	Quá ảm	Chuột rất nhẹ <10%

2. Đối với các loại rau màu và cây công nghiệp

Ngoài việc thu hoạch lúa hè thu và gieo trồng lúa thu đông, mùa, các địa phương tiếp tục triển khai việc gieo trồng các cây màu lương thực khác. Do ảnh hưởng của mưa bão, ngập úng trên diện rộng nên tiến độ gieo trồng rau màu thấp hơn cùng kỳ. Tính đến cuối tháng diện tích gieo trồng các cây màu lương thực cả nước ước đạt 1.486,1 ngàn ha, giảm 2,2%; trong đó diện tích ngô đạt 922,6 ngàn ha, đạt 78,2% 4 kế hoạch; khoai lang đạt 98,2 ngàn ha, bằng 69,6% kế hoạch; sắn đạt 457,1 ngàn ha, bằng 83,1% mức kế hoạch. Hiện bà con nông dân các tỉnh phía Bắc đang được khuyến cáo đẩy nhanh tiến độ gieo trồng cây màu cho kịp thời vụ trên những diện tích lúa không có khả năng phục hồi do úng ngập sau đợt mưa lũ vừa qua. Diện tích gieo trồng cây công nghiệp ngắn ngày cả nước đạt 412,6 ngàn ha, tăng 0,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó diện tích lạc ước đạt 175 ngàn ha, bằng 77,8% mức kế hoạch; diện tích đậu tương đạt 65,8 ngàn ha, bằng 54,8% kế hoạch; thuốc lá đạt 16,2 ngàn ha, bằng 93,2% so với cùng kỳ; mía trồng mới đạt 155,6 ngàn ha, tăng 6,1%% và diện tích rau, đậu

các loại 843,1 ngàn ha, bằng 97,7 % cùng kỳ năm trước và đạt 78,4% kế hoạch cả năm.

Tại Hoài Đức cam ra lá mới, sinh trưởng trung bình trên nền đất quá ẩm.

Lạc: đang trong giai đoạn ra hoa ở khu vực Thanh Hóa, trạng thái sinh trưởng bình thường.

Chè lớn lá thật thứ nhất; sinh trưởng khá trên nền đất ẩm ở Mộc Châu; sinh trưởng trung bình trên đất ẩm trung bình ở Phú Hộ và Ba Vì.

Cà phê trong giai đoạn hình thành quả, sinh trưởng tốt ở Tây Nguyên, sinh trưởng trung bình ở Xuân Lộc.

3. Tình hình sâu bệnh

Theo báo cáo của Cục Bảo vệ thực vật trong tháng VIII một số dịch bệnh hại lúa tiếp tục gia tăng so với cùng kỳ năm ngoái như bệnh rầy nâu, rầy nâu trắng hại lúa, bệnh bạc lá hại lúa, bệnh khô vằn hại lúa, bệnh lem lép hại lúa. Riêng một số bệnh như bệnh đạo ôn hại lúa, ốc bươu vàng, sâu cuốn lá nhỏ đã giảm đáng kể so với cùng kỳ năm ngoái. Phần lớn các sinh vật gây hại gia tăng tập trung ở các tỉnh Bắc Bộ, phía Nam, các tỉnh khu IV. Diện tích nhiễm và phân bố của một số sinh vật gây hại như sau:

- Rầy nâu - rầy lưng trắng: diện tích nhiễm 118.732 ha, nặng 4.869ha. Tập trung chủ yếu tại các tỉnh Bắc Bộ, phía Nam

- Bệnh VL-LXL: Diện tích nhiễm 4.893 ha, nhiễm nặng 586 ha. Tập trung chủ yếu tại Đồng Tháp, Long An, An Giang, Hậu Giang và Sóc Trăng.

- Ốc bươu vàng hại lúa: Diện tích nhiễm 34.32 ha, nhiễm nặng 4752ha. Phân bố tại các tỉnh phía Nam.

- Sâu cuốn lá nhỏ hại lúa: Diện tích nhiễm 123.792 ha. Tập trung tại các tỉnh Bắc.

- Bệnh bạc lá hại lúa: Diện tích nhiễm 32.286 ha, nặng 2.538 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam, khu IV.

- Bệnh đạo ôn cổ bông hại lúa: diện tích nhiễm 12.137 ha. Tập trung tại các tỉnh phía Nam.

- Bệnh khô vằn hại lúa: Diện tích nhiễm 57.055 ha

- Ngoài ra còn có các đối tượng sinh vật gây hại khác: Bệnh lem lép hạt (33.230ha), bệnh khô vằn (26.077 ha), chuột hại lúa (9.038 ha)...

III. DỰ BÁO KHÍ HẬU 3 THÁNG IX, X, XI/2017

3.1. Nhiệt độ

Trong mùa 3 tháng IX-XI của năm 2017, nhiệt độ có khả năng cao hơn TBNN đến hơn 1,5°C ở phần lớn diện tích cả nước với xác suất trên 77%, từ 0 đến 1°C ở khu vực Tây Nguyên, cực Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ với xác suất từ 44 đến 66%. Nhiệt độ có khả năng thấp hơn TBNN từ dưới 0,5 đến hơn 1,5°C ở một vài nơi trên cả nước với xác suất từ 44 đến trên 77%.

3.2. Lượng mưa

Lượng mưa mùa IX-XI của năm 2017 có khả năng ở mức cao hơn TBNN từ lớn hơn 0 đến trên 600mm ở khu vực từ Quảng Trị tới Khánh Hòa, phía bắc Tây Nguyên và phía tây Nam Bộ với xác suất từ 55 đến 77%. Lượng mưa có khả năng thấp hơn TBNN từ 0 đến 200 mm ở khu vực Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, cực Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ với xác suất từ 44 đến 66%, từ 200 đến hơn 400mm ở khu vực một phần Đông Bắc và một phần Bắc Trung Bộ với xác suất từ 44 đến 55%.

3.3. Xoáy thuận nhiệt đới (XTNĐ) và không khí lạnh (KKL)

Xoáy thuận nhiệt đới: Số lượng XTNĐ hoạt động trên khu vực Biển Đông và ảnh hưởng đến đất liền nước ta trong các tháng tiếp theo có khả năng ở mức xấp xỉ TBNN. Trong các tháng tiếp theo, XTNĐ được nhận định chủ yếu tác động đến khu vực Trung Trung Bộ - Nam Trung Bộ.

Số đợt không khí lạnh ảnh hưởng đến nước ta có thể ở mức xấp xỉ TBNN. Do tác động của XTNĐ và không khí lạnh, khu vực Trung Bộ có khả năng sẽ xuất hiện nhiều đợt mưa lớn trong mùa IX-XI năm 2017.

IV. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Từ thực trạng sản xuất nông nghiệp, trạng thái sinh trưởng phát triển của cây trồng trong tháng VIII và trên cơ sở dự báo xu thế thời tiết tháng IX/2017 và dự báo khí hậu 3 tháng IX, X và XI/2017 có thể đưa ra một số kiến nghị sau:

1. Miền Bắc

- Tận dụng điều kiện thời tiết thuận lợi để chăm sóc lúa mùa đang kỳ đẻ nhánh - mọc đòng và các cây trồng khác.
- Tập trung khắc phục hậu quả của cơn bão số 3,4
- Trong tháng IX là thời kỳ mùa mưa ở các tỉnh Bắc và Trung Trung Bộ và có khả năng xảy ra 3-4 đợt mưa vừa, mưa to và có khả năng xảy ra các đợt mưa lớn trong thời đoạn ngắn vì vậy cần đề phòng lũ lên nhanh trên các sông

suối, lũ quét và sạt lở đất đá, đặc biệt tại các khu vực vùng núi nơi có địa hình dốc.

2. Miền Nam

- Tích cực phòng trừ các loại sâu bệnh hại trên lúa hè thu đang trong giai đoạn đẻ nhánh, làm đòng và trổ bông và các cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây cà phê.

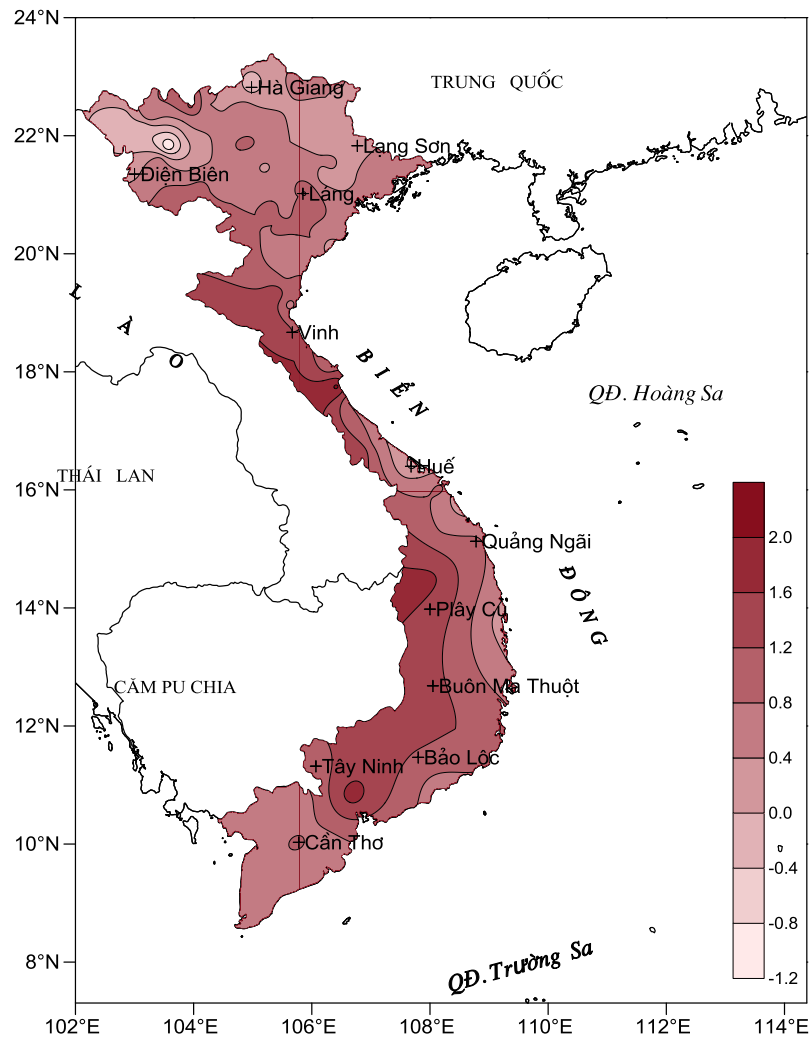
- Đề phòng lũ, đảm bảo an toàn cho lúa thu đông.

V. TÀI LIỆU THAM KHẢO

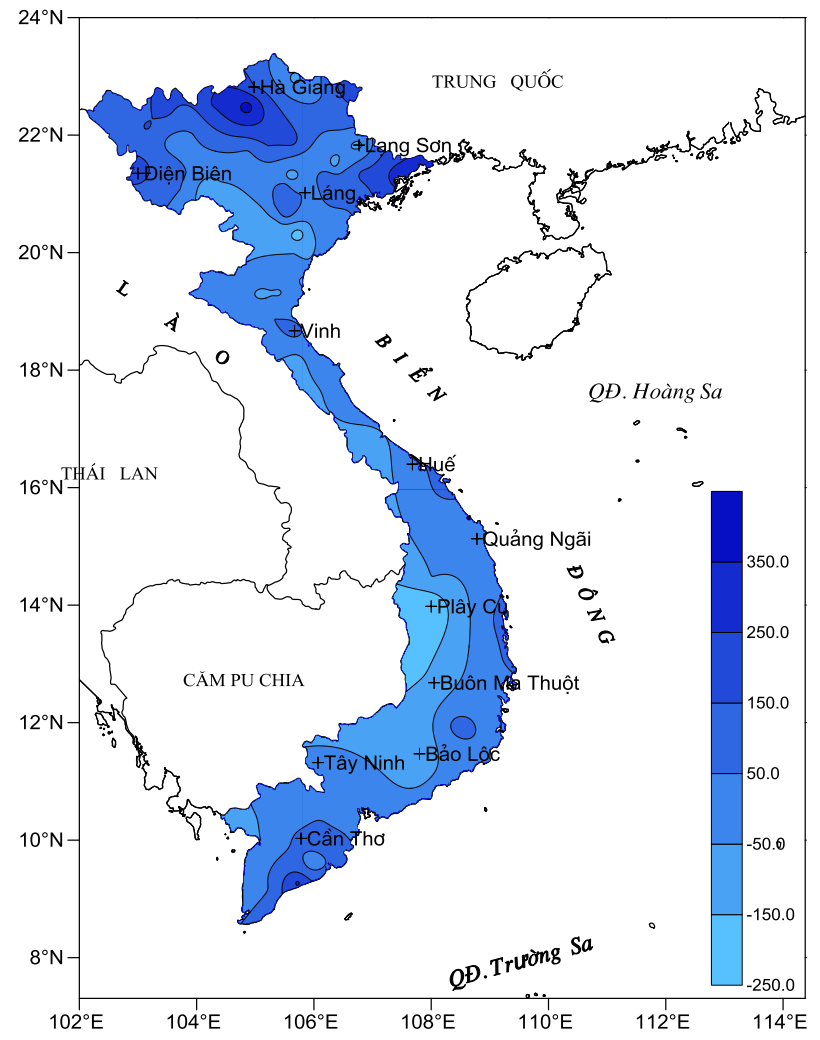
1. Viện Khoa học Khí tượng thuỷ văn và Môi trường, Thông báo và dự báo Khí hậu tháng IX, X, XI năm 2017;

2. Trung tâm Dự báo Khí tượng Thuỷ văn Quốc gia, dự báo xu thế thời tiết tháng IX năm 2017 các khu vực trên phạm vi cả nước;

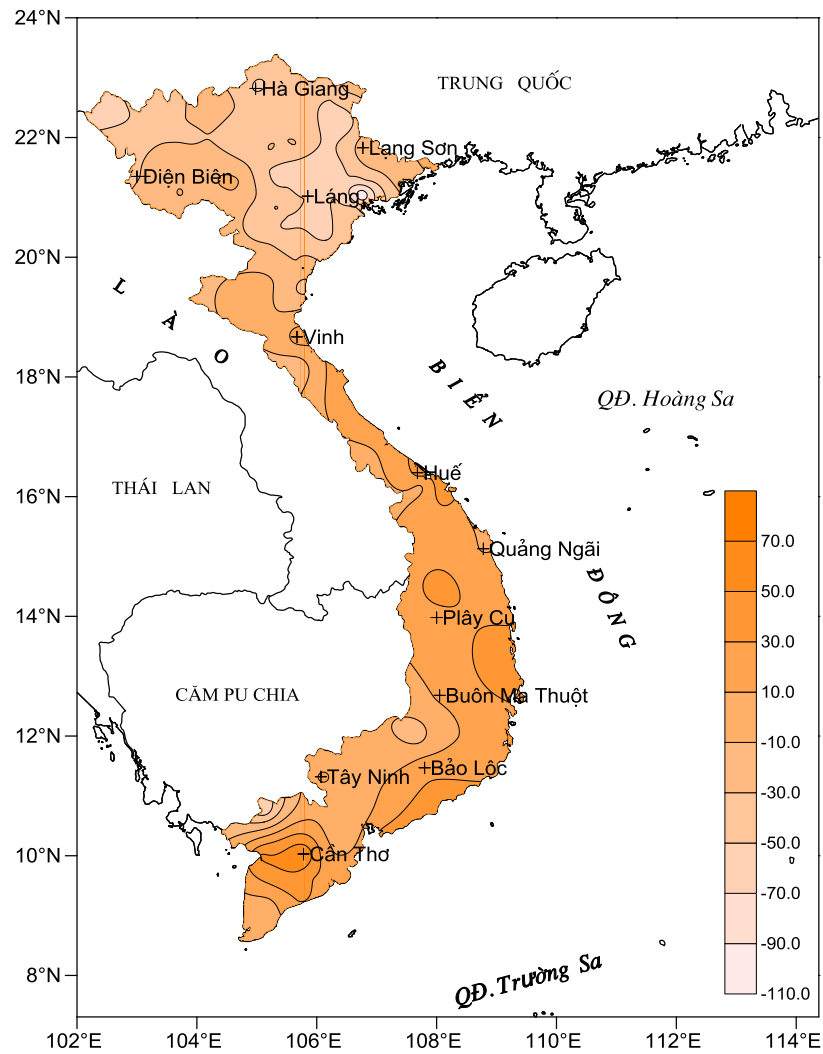
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch tháng VIII năm 2017 ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.



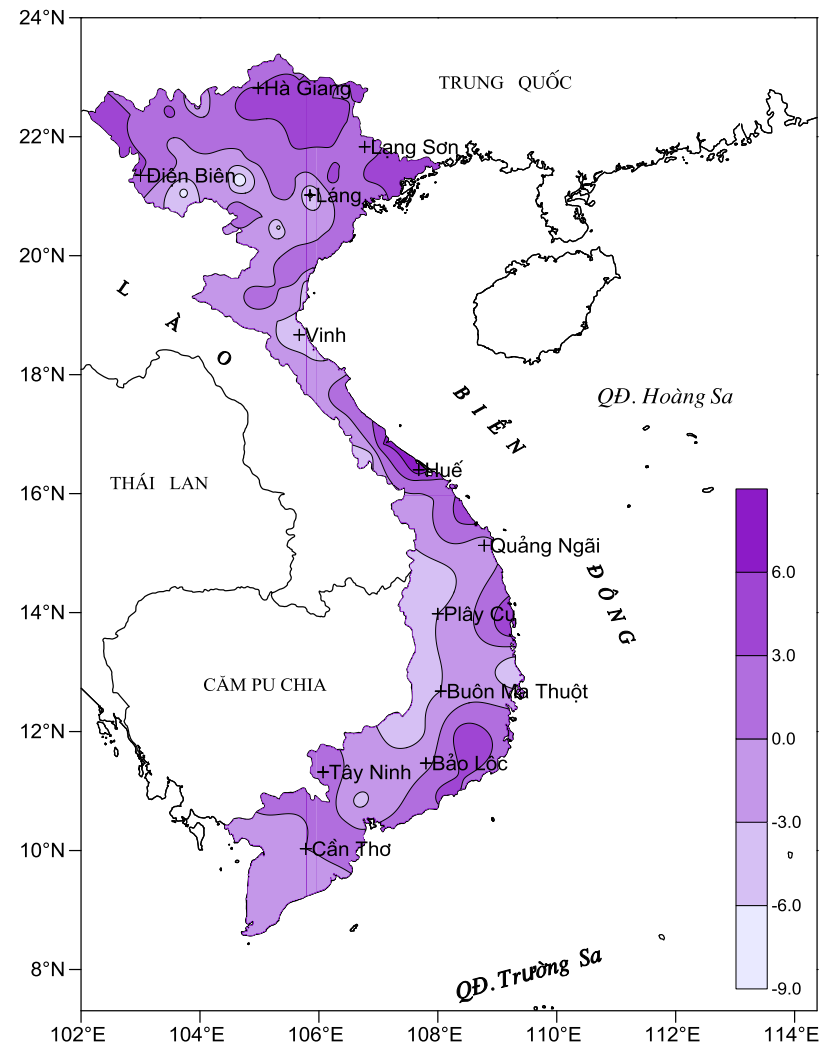
Hình 10. Độ lệch của nhiệt độ tháng VIII/2017 so với TBN (°C)



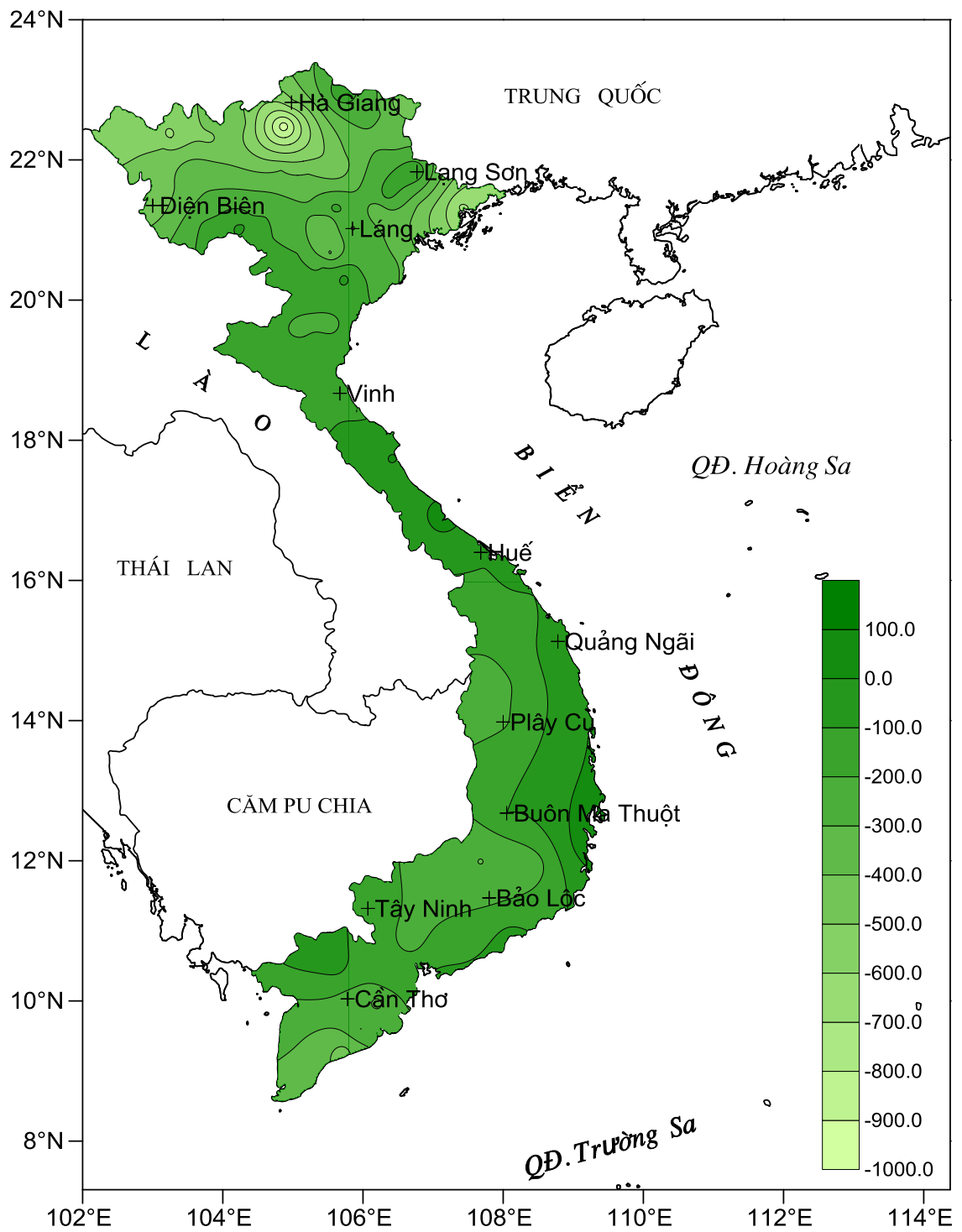
Hình 11. Độ lệch của lượng mưa tháng VIII/2017 so với TBN (mm)



Hình 12. Độ lệch của số giờ nắng tháng VIII/2017 so với TBNN (giờ)



Hình 13. Độ lệch của độ ẩm không khí tháng VIII/2017 so với TBNN (%)



Hình 14. Độ lệch của lượng mưa so với lượng bốc hơi tháng VIII/2017 (mm)